TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HỒNG NGỰ** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 07-11-2019
V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG NGỰ, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thì Trang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Tuấn Lam.

2. Ông Nguyễn Hoàng Lâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Y Phụng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Ngô Hữu Ý - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 220/2019/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2019 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 100/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Thành Đ, sinh năm 1970. Địa chỉ: ấp PL B, xã PT B, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp; Có mặt.

2. Bị đơn: Bà Huỳnh Thị P, sinh năm 1966. Địa chỉ: ấp PL A, xã PT B, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp; Vắng mặt.

3. Người làm chứng: Bà Huỳnh Thị T, sinh năm 1957. Địa chỉ: ấp PL B, xã PT B, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 01 tháng 7 năm 2019, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, ông Nguyễn Thành Đ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Năm 1992, ông và bà P có tự tìm hiểu nhau, sau đó về sống chung nhà với bà P. Đến năm 2002, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã PT B, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2010 phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ

chồng không có con chung, không có sự liên kết tình cảm, nhiều lần cải nhau, mâu thuẫn ngày càng nhiều, ông về nhà ông ở. Sau đó, ông và bà P cũng nhiều lần gặp nhau để hàn gắn tình cảm nhưng không được. Đến tháng 01/2012 ông và bà P thỏa thuận ly hôn có làm giấy tay và vợ chồng không còn sống chung cho đến nay. Nay thấy tình cảm không còn, vợ chồng đã ly thân nhiều năm, ông yêu cầu ly hôn với bà P.

Về việc nuôi con: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về chia tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người làm chứng bà Huỳnh Thị T trình bày: Bà là chị ruột bà Huỳnh Thị P, bà không có mâu thuẫn gì với ông Đ, bà P. Ông Đ, bà P về sống chung nhà và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân xã PT B. Bà biết ông Đ, bà P đã không còn sống chung khoảng 4 – 5 năm nay. Hiện nay bà P lên Bình Dương làm việc, lâu lâu có về nhà, bà không biết vì sao bà P, ông Đ mâu thuẫn dẫn đến không sống chung, bà P, ông Đ không có con chung, cũng không có tài sản chung, còn nợ chung thì bà không biết.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sau đây viết tắt là BLTTDS). Về nội dung vụ án, đề nghị: Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Nguyễn Thành Đ với bà Huỳnh Thị P. Về việc nuôi con: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về chia tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự theo quy định tại Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS.

[2] Bị đơn bà Huỳnh Thị P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, không có yêu cầu phản tố, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 BLTTDS.

[3] Người làm chứng bà Huỳnh Thị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt, không có lý do, nhưng đã có lời khai với Tòa án. Việc vắng mặt của người làm chứng không ảnh hưởng đến việc giải quyết khách quan, toàn diện của vụ án, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt người làm chứng theo quy định tại khoản 2 Điều 229 của BLTTDS.

[4] Về nội dung: Xét về quan hệ hôn nhân giữa ông Nguyễn Thành Đ và bà Huỳnh Thị P là hợp pháp vì có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã PT B phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[5] Xét yêu cầu ly hôn của ông Nguyễn Thành Đ là có căn cứ, vì: ông Đ, bà P đã ly thân nhiều năm, trong khoảng thời gian ly thân có gặp nhau để hàn gắn tình cảm nhưng không thành, sau đó mỗi người đều có cuộc sống riêng. Trong quá trình giải quyết vụ án, bà P dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng không đến và không có ý kiến gì đối với yêu cầu ly hôn của ông Đ, không thể hiện thiện chí muốn hàn gắn tình cảm. Bà T là chị ruột bà P trình bày bà P, ông Đ đã không còn sống chung 4 – 5 năm, bà P đã đi nơi khác làm việc. Trong hôn nhân vợ chồng cần phải thương yêu, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình, nhưng hiện nay ông Đ, bà P đã không còn liên hệ gì với nhau cho thấy tình cảm của ông Đ, bà P đã không còn, không thể hàn gắn đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Nguyễn Thành Đ đối với bà Huỳnh Thị P là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[6] Về việc nuôi con: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về chia tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Xét, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[10] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 BLTTDS, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, buộc nguyên đơn ông Nguyễn Thành Đ chịu 300.000 đồng án phí ly hôn được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo lai thu số 0000890 ngày 11/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự. Bị đơn bà Huỳnh Thị P không phải chịu án phí ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 229, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 9, các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Thành Đ. Cho

ông Nguyễn Thành Đ ly hôn với bà Huỳnh Thị P.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Thành Đ chịu 300.000 đồng án phí ly hôn được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo lai thu số 0000890 ngày 11/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 07 tháng 11 năm 2019). Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án, Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thì Trang

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hoàng Lâm - Nguyễn Tuấn Lam **Nguyễn Thị Thì Trang**

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án, Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thì Trang